

ĐỀ KHẢO SÁT THÁNG 10**NĂM HỌC 2024 - 2025****MÔN: ĐỊA LÍ 12***Thời gian làm bài: 50 phút**(không kể thời gian phát đề)*

Họ và tên: Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
- B. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
- C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
- D. một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.

Câu 2. Sụt lún đất ở đồng bằng nước ta chủ yếu do

- A. đánh bắt thủy sản.
- B. nuôi cá lồng bè.
- C. khai thác nước ngầm.
- D. phá rừng ngập mặn.

Câu 3. Miền núi nước ta dân cư thưa thớt chủ yếu do

- A. có nhiều dân tộc ít người, sản xuất nhỏ.
- B. nhiều thiên tai, công nghiệp còn hạn chế.
- C. địa hình hiểm trở, kinh tế chậm phát triển.
- D. nhiều đất dốc, giao thông còn khó khăn.

Câu 4. Cơ cấu dân số theo tuổi của nước ta biến đổi nhanh chủ yếu do

- A. tuổi thọ tăng, thành tựu của y tế, giáo dục.
- B. gia tăng dân số chậm, mức sống tăng lên.
- C. kinh tế phát triển, mức sinh thay thế thấp.
- D. mức sinh giảm, tuổi thọ trung bình tăng.

Câu 5. Tổng lượng phù sa của sông ngòi nước ta lớn chủ yếu là do tác động của những nhân tố nào sau đây?

- A. Khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều và tập trung theo mùa, sông ngòi dày đặc.
- B. Địa hình có sự tương phản giữa đồng bằng và miền núi, lượng mưa lớn.
- C. Diện tích rừng ngày càng giảm, nền nhiệt cao, lượng mưa tập trung lớn.
- D. Lượng mưa lớn và tập trung theo mùa, địa hình dốc, mất lớp phủ thực vật.

Câu 6. Lực lượng lao động của nước ta có đặc điểm

- A. chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu dân số.
- B. hầu hết được đào tạo trình độ cao.
- C. nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
- D. tác phong công nghiệp chuyên nghiệp.

Câu 7. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước?

- A. hướng các dãy núi, vị trí địa lý, gió mùa và khối khí cận cực.
- B. vị trí địa lý nằm gần chí tuyến Bắc, giáp biển Đông rộng lớn.
- C. địa hình đồi núi thấp, phân hóa đa dạng theo độ cao địa hình.
- D. địa hình nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, nhiều đồi núi.

Câu 8. Phương hướng chủ yếu nhằm giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay là

- A. đẩy mạnh công nghiệp hóa, phát triển mạng lưới đô thị, sản xuất hàng xuất khẩu
- B. duy trì mức sinh thay thế, phát triển nền kinh tế, đa dạng hóa loại hình đào tạo.
- C. hình thành các trung tâm dịch vụ, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, giảm tỉ suất sinh.
- D. xuất khẩu lao động, kiểm soát tỉ suất sinh, mở rộng thị trường xuất khẩu lao động

Câu 9. Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam nước ta mang sắc thái của vùng khí hậu

- A. ôn đới gió mùa. B. cận nhiệt đới gió mùa.
C. cận xích đạo gió mùa. D. nhiệt đới gió mùa.

Câu 10. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

- A. sông ngòi dày đặc. B. địa hình đa dạng.
C. nhiều khoáng sản. D. tổng bức xạ lớn.

Câu 11. Các dạng địa hình caxto phổ biến ở vùng núi đá vôi nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Địa hình dốc, nhiệt độ không khí cao, quá trình xói mòn mạnh.
B. Đất đá cứng dễ bị đứt gãy do nội lực, phong hóa lí học mạnh.
C. Khí hậu nhiệt đới, có lượng mưa lớn, phong hóa hóa học mạnh.
D. Nhiều đồi núi, mặt lớp phủ thực vật, quá trình xâm thực mạnh.

Câu 12. Biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở đồng bằng ven biển của nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. phát triển thủy lợi.
C. làm ruộng bậc thang. D. trồng cây theo băng.

Câu 13. Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của

- A. gió Tây Nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.
B. vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
C. bão, dải hội tụ nhiệt đới, các loại gió thổi hướng Tây Nam và Đông Bắc.
D. gió Tây, gió mùa Đông Bắc, độ cao các dãy núi và hình dáng lãnh thổ.

Câu 14. Khí hậu của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có

- A. tính chất cận nhiệt đới, biên độ nhiệt độ năm lớn.
B. sự tương phản giữa sườn Đông và sườn Tây của dãy Trường Sơn Nam.
C. tính chất cận xích đạo, với nền nhiệt cao và biên độ nhiệt độ năm lớn.
D. tính chất nhiệt đới, với nền nhiệt độ thấp và sự phân mùa rõ rệt.

Câu 15. Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở khu vực đồi núi nước ta là quá trình

- A. phong hóa. B. bồi tụ. C. bóc mòn. D. rửa trôi.

Câu 16. Các dãy núi ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có hướng chính là

- A. đông nam – đông bắc. B. tây bắc – tây nam.
C. tây nam - đông bắc. D. tây bắc - đông nam.

Câu 17. Dân số nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. quy mô dân số đông. B. già hóa dân số.
C. nhiều thành phần dân tộc. D. tuổi thọ giảm.

Câu 18. Dân cư nước ta hiện nay

- A. sống đông đúc trong các khu công nghiệp.
B. phân bố đồng đều ở nông thôn, thành thị.
C. tập trung đông đúc ở những thành phố lớn.
D. thưa thớt ở các vùng có kinh tế phát triển.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA HÀ NỘI

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	16,4	17, 0	20,2	23, 7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Lượng mưa (mm)	18,6	26, 2	43,8	90, 1	188,5	230, 9	288,2	318, 0	265,4	130, 7	43,4	23,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB thống kê, 2022)

- a) Khí hậu Hà Nội có mùa hạ nóng ít mưa, mùa đông lạnh mưa nhiều.
b) Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội là $23,5^{\circ}\text{C}$, biên độ nhiệt năm là $12,5^{\circ}\text{C}$.

c) Tổng lượng mưa lớn đạt 1667,2 mm, mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10.

d) Hà Nội có một mùa khô sâu sắc, với 4 tháng hạn (tháng II, III, XI, XII).

Câu 2. Cho thông tin sau.

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất trên thế giới. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kì dân số già, chuyển từ xã hội “ già hóa” sang xã hội “già”. Sự thay đổi này không chỉ do giảm tỉ lệ tử vong và tăng tuổi thọ, mà phần lớn là do giảm mạnh tỉ lệ sinh. Tỉ lệ sinh giảm trong những thập kỉ qua đã tác động rất lớn tới cơ cấu dân số của Việt Nam, làm đẩy nhanh tốc độ già hóa dân số.

(Nguồn: Báo Nhân dân, ngày 6/6/2023)

a) Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta đang có sự biến đổi nhanh.

b) Số lượng người già ngày càng tăng tạo ra nguồn lao động dồi dào, năng động, sáng tạo.

c) Tuổi thọ tăng lên là kết quả của việc phát triển khoa học kĩ thuật ứng dụng vào trong chăm sóc sức khỏe cho người già.

d) Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến già hóa dân số ở nước ta hiện nay là kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống cao, tiến bộ của y học.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Dãy Hoàng Liên Sơn tạo nên sự khác biệt giữa vùng núi Tây Bắc với vùng núi Đông Bắc. Trong khi vùng núi Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa thì vùng núi thấp Tây Bắc có cảnh quan nhiệt đới ẩm gió mùa và vùng núi cao cảnh quan giống như vùng ôn đới.

a) Vùng núi Đông Bắc có một mùa đông lạnh nhất cả nước.

b) Đây là biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở miền núi.

c) Sự phân hóa thiên nhiên của vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc chủ yếu do tác động của hình dạng lãnh thổ và gió mùa.

d) Vùng núi Tây Bắc mùa đông ẩm và ngắn hơn Đông Bắc do ảnh hưởng của dãy núi Hoàng Liên Sơn.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC HÀNG NĂM, PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2021

(Đơn vị:%)

Khu vực	2000	2010	2015	2021
Nông thôn	76,9	71,7	68,8	63,3
Thành thị	23,1	28,3	31,2	36,7

(Nguồn: niên giám thống kê các năm 2001, 2011, 2016, 2022)

a) Tỉ lệ lao động thành thị tăng liên tục.

b) Giai đoạn 2015-2021, tỉ lệ lao động nông thôn giảm 13,3%.

c) Tỉ lệ lao động thành thị càng lớn thì đóng góp cho GDP càng nhiều, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh.

d) Để thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm, phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2000 – 2021, biểu đồ đường là thích hợp nhất.

Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1. Dân số Việt Nam năm 2022 là 99 474,4 nghìn người, diện tích là 331 345,7 km² (Theo niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số năm 2022 của Việt Nam là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²)?

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM CỦA TRẠM KHÍ TƯỢNG HUẾ

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,2	21,1	24,3	26,8	29,4	30,6	30,0	30,5	27,2	25,5	22,8	20,4

(Nguồn: Niên giám thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết biên độ nhiệt độ của Huế (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 3. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, dân số Việt Nam ước tính là 99 186 471 người, có 1 418 890 trẻ được sinh ra, 681 157 người chết. Vậy tỉ suất gia tăng dân số Việt Nam năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của đơn vị %).

Câu 4. Tại độ cao 1000m trên dãy núi Hoàng Liên Sơn có nhiệt độ là 23°C , cùng thời điểm này, trên cùng sườn đón gió nhiệt độ ở độ cao 2600m là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}\text{C}$)?

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa, lượng bốc hơi một số địa điểm ở nước ta

Địa điểm	Hà Nội	Huế
Lượng mưa (mm)	1666	2868
Lượng bốc hơi (mm)	989	1000

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết trị số cân bằng ẩm của Huế nhiều hơn Hà Nội là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)?

Câu 6. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA VIỆT NAM NĂM 2020

Số dân thành thị (triệu người)	Tỉ lệ dân thành thị (%)
34,2	35,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng dân số của Việt Nam năm 2020 (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người)

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8
A	C	C	D	D	C	A	B	C	D	C	B	B	B	B	D	D	C

1a	1b	1c	1d	2a	2b	2c	2d	3a	3b	3c	3d	4a	4b	4c	4d
S	D	D	S	D	S	S	D	D	D	S	D	D	S	D	S

ĐỀ KHẢO SÁT THÁNG 10

NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN: ĐỊA 12

Thời gian làm bài: 50 phút

(không kể thời gian phát đề)

PHẦN I: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Để hạn chế tình trạng khô hạn, mặn hóa, phèn hóa ở nước ta cần

- A. xây dựng các hồ thủy điện.
- B. xây dựng hệ thống thủy lợi.
- C. trồng rừng trên vùng đồi núi.
- D. định cư đồng bào dân tộc thiểu số.

Câu 2. Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi đối với sông ngòi nước ta là

- A. tổng lượng cát bùn lớn.
- B. có nhiều phụ lưu lớn.
- C. tốc độ bào mòn rất nhỏ.
- D. tạo dòng chảy mạnh.

Câu 3. Vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển của nước ta là vùng

- A. tiếp giáp lãnh hải.
- B. đặc quyền kinh tế.
- C. thềm lục địa.
- D. lãnh hải.

Câu 4. Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 5. Cơ cấu lao động ở nước ta hiện nay đang có sự chuyển dịch tích cực, do tác động chủ yếu của các nhân tố nào sau đây?

- A. Tâm lý xã hội, ý thức người lao động, khoa học kỹ thuật, thị trường.
- B. Công nghiệp hóa, đô thị hóa phát triển, năng suất lao động, nhu cầu.
- C. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nền kinh tế thị trường, đô thị hóa.
- D. Thu hút đầu tư, chất lượng lao động cao, thị trường lớn, đô thị hóa.

Câu 6. Sự khác nhau về lượng mưa đầu mùa hạ giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam và hoạt động của áp thấp nhiệt đới.
- B. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương và dãy Trường Sơn.
- C. gió mùa Tây Nam và độ cao của dãy Trường Sơn.
- D. gió mùa Đông Nam và khối núi cực Nam Trung Bộ.

Câu 7. Ở nước ta, ô nhiễm không khí tại các khu công nghiệp, khu vực sản xuất, kinh doanh là do

- A. khí thải.
- B. khói bụi.
- C. đốt rơm, rạ.
- D. nước thải.

Câu 8. Mục tiêu của chiến lược dân số Việt Nam là

- A. Phân bố lại dân cư ở vùng cao, vùng sâu, vùng ven biển và các hải đảo xa xôi.
- B. Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- C. bảo vệ và phát triển quy mô những dân tộc thiểu số ở vùng miền núi biên giới.
- D. giảm nhanh mức sinh thay thế và giảm chênh lệch mức sinh giữa các đối tượng.

Câu 9. Thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa và phân hóa đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vị trí địa lý, hình dạng lãnh thổ, hướng nghiêng địa hình, biển Đông, bão,
- B. biển Đông, bức chắn địa hình, gió phơn Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, bão.
- C. vị trí địa lý, hình thể lãnh thổ, ảnh hưởng của biển Đông, dải hội tụ, bão.
- D. vị trí địa lý, hình thể lãnh thổ, các loại gió, đặc điểm địa hình, biển Đông.

Câu 10. Lao động nước ta hiện nay

- A. có số lượng đông, tăng chậm.
- B. tăng rất nhanh, có trình độ cao.
- C. tập trung chủ yếu ở nông thôn.
- D. hầu hết đều hoạt động dịch vụ.

Câu 11. Nhân tố nào sau đây có vai trò lớn nhất làm tăng sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Bắc - Nam ở nước ta?

- A. Ảnh hưởng của các dãy núi theo chiều Tây-Đông.
- B. Lãnh thổ nước ta kéo dài theo hướng Bắc -Nam.
- C. Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời.
- D. Hoạt động của gió mùa Đông Bắc vào mùa đông.

Câu 12. Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ qua các thành phần

- A. sông ngòi, đất đai, khí hậu.
- B. khí hậu, sinh vật, sông ngòi.
- C. khí hậu, đất đai, sinh vật.
- D. sinh vật, đất đai, sông ngòi.

Câu 13. Loại đất chiếm diện tích lớn nhất trong đai nhiệt đới gió mùa là

- A. đất phù sa.
- B. đất feralit có mùn.
- C. đất phù sa cổ.
- D. đất feralit đỏ vàng.

Câu 14. Gió nào sau đây gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ?

- A. Tín phong bán cầu Bắc.
- B. Gió phơn Tây Nam.
- C. Tín phong bán cầu Nam.
- D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 15. Dân số nước ta

- A. chủ yếu tập trung sống ở đô thị.
- B. phân bố đồng đều khắp cả nước.
- C. gia tăng rất chậm, cơ cấu rất trẻ.
- D. đông, nhiều thành phần dân tộc.

Câu 16. Cơ cấu dân số theo giới tính nước ta hiện nay

- A. mất cân bằng giới tính ở tuổi lao động.
- B. rất cân bằng giữa giới nam và giới nữ.
- C. mất cân bằng giới tính khi sinh.
- D. chênh lệch lớn giữa giới nam và giới nữ.

Câu 17. Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên và hình thành các vùng tự nhiên khác nhau ở nước ta chủ yếu do

- A. Gió mùa và dòng biển.
- B. Khí hậu và sông ngòi.

C. Vị trí địa lí và hình thể.

D. Khoáng sản và biển.

Câu 18. Vùng núi Đông Bắc có mùa đông kéo dài hơn vùng núi Tây Bắc chủ yếu do tác động của

A. giáp biển Đông, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ. B. vị trí địa lí, gió mùa Đông Bắc và địa hình.

C. lãnh thổ, Tín phong bán cầu Bắc, hướng núi. D. nằm gần chí tuyến, gió tây nam, độ cao núi.

Phần II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nước ta có 54 dân tộc anh em, trong đó dân tộc Kinh chiếm khoảng 85% tổng số dân, các dân tộc thiểu số chiếm gần 15%. Các dân tộc sinh sống đan xen nhau khá phổ biến trên các vùng miền của Tổ quốc. Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, cùng nhau bảo vệ và xây dựng đất nước.

a) Các dân tộc ở nước ta có nét tương đồng hoàn toàn với các nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á.

b) Các dân tộc thiểu số ở nước ta thường phân bố xen kẽ và chủ yếu ở vùng núi.

c) Nước ta có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống đã tạo nên thể mạnh về văn hóa, phong tục tập quán đa dạng.

d) Hiện nay, sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc thiểu số là điều kiện thuận lợi để nước ta hội nhập toàn cầu sâu, rộng.

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA HÀ NỘI (TRẠM HÀ NỘI)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB thống kê, 2022)

a) Khí hậu đặc trưng là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh, biên độ nhiệt năm cao.

b) Tổng lượng mưa lớn đạt 1667,2 mm, mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10.

c) Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội là $23,6^{\circ}\text{C}$, biên độ nhiệt năm là $15,5^{\circ}\text{C}$.

d) Để thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội, biểu đồ cột là thích hợp nhất.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

a) Gió đông bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

b) Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh ẩm.

c) Gió mùa Đông Bắc di chuyển quãng đường dài trên lục địa, gây nên thời tiết lạnh khô vào đầu mùa Đông ở miền Bắc.

d) Gió mùa Đông Bắc tác động yếu đến miền Nam do ảnh hưởng của dãy Bạch Mã.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

TỶ LỆ THẤT NGHIỆP Ở NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN,

GIẢI ĐOẠN 2019 – 2022 (Đơn vị: %)

Năm	2019	2021	2022
Cả nước	2,19	3,20	2,34
Thành thị	3,10	4,33	2,82
Nông thôn	1,74	2,50	2,04

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

a) Tỷ lệ thất nghiệp của cả nước năm 2022 giảm so với năm 2019.

b) Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ tạo ra những thay đổi mang tính đột phá về việc làm, nâng cao tay nghề, chất lượng lao động.

- c) Nhà nước đã tạo điều kiện, hỗ trợ khuyến khích, thu hút mọi thành phần kinh tế đầu tư tạo việc làm
d) Khu vực thành thị thường có tỉ lệ thất nghiệp thấp hơn khu vực nông thôn

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng ở Hà Nội (Đơn vị: °C)

	I	II	III	IV	V	VI	VII	IIIX	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2

(Nguồn sách giáo khoa Địa lí 12 nâng cao Nxb giáo dục 2007)

Căn cứ vào bảng số liệu tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất °C)

Câu 2. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, dân số Việt Nam ước tính là 99 186 471 người, có 1 418 890 trẻ được sinh ra, 681 157 người chết. Vậy tỉ suất gia tăng dân số Việt Nam năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai).

Câu 3. Theo Niên giám Thống kê năm 2023, diện tích Việt Nam là 331344,8 km² và dân số Việt Nam tính đến tháng 12 năm 2023 là 100,3 triệu người. Vậy, mật độ dân số Việt Nam tính đến tháng 12 năm 2023 là bao nhiêu người/km²?

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM CỦA TRẠM KHÍ TƯỢNG HUẾ

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,2	21,1	24,3	26,8	29,4	30,6	30,0	30,5	27,2	25,5	22,8	20,4

(Nguồn: Niên giám thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết biên độ nhiệt độ của Huế (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của °C)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hằng năm theo thành thị và nông thôn, giai đoạn 2015 – 2023

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	Thành thị	Nông thôn
2015	16377,3	36733,2
2020	17519,1	36090,5
2023	19070,7	32216,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023)

Tốc độ tăng trưởng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hằng năm của thành thị năm 2023 so với năm 2015 là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)?

Câu 6. Biết đỉnh núi Phan-xi-păng cao 3147 m, nếu nhiệt độ tại đỉnh này là 2,0°C thì trong cùng thời điểm, cùng sườn núi đón gió, nhiệt độ ở chân núi này sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
B	A	B	D	C	B	A	B	D	C	D	C	D	D	D	C	C	B

1a	1b	1c	1d	2a	2b	2c	2d	3a	3b	3c	3d	4a	4b	4c	4d
S	D	D	S	D	D	S	S	D	D	S	D	S	D	D	S